

# ÔN TẬP CUỐI KỲ II – MÔN ĐỊA LÝ LỚP 12

**1. Hình thức kiểm tra:** Trắc nghiệm (40 câu) trong đó:

- 15 câu sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam: Trang 23, 24, 25, 26, 27
- 4 câu về kỹ năng biểu đồ, bảng số liệu.
- 21 câu lý thuyết thuộc nội dung 5 bài: 30,31,32,33,35

**2. Thời gian:** 50 phút.

## ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

**Bài 32. VẤN ĐỀ KHAI THÁC THỂ MẠNH Ở TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC ( SGK trang 145)**

### I. Những thuận lợi, khó khăn và hiện trạng phát triển các thể mạnh của TDMNBB

Ngành	Thuận lợi	Hiện trạng phát triển	Khó khăn
<b>1. CN khai thác, chế biến khoáng sản</b>	<p><b>- Giàu khoáng sản bậc nhất cả nước:</b></p> <p>+ Than: Cẩm Phả, Hạ Long (Quảng Ninh). Thái Nguyên, Na Dương ( Lạng Sơn)</p> <p>+ Sắt: Trại Cau (Thái Nguyên), Tùng Bá (Hà Giang)</p> <p>+ Thiếc: Cao Bằng</p> <p>+ Aptit: Lào Cai...</p>	<p>→ Sản lượng khai thác than: 30 triệu/năm → Phát triển nhà máy nhiệt điện:</p> <p>+ Na Dương ( Lạng Sơn)</p> <p>+ Uông Bí ( Quảng Ninh)</p> <p>→ Phát triển nhà máy gang thép Thái Nguyên.</p> <p>→ Phát triển nhà máy luyện kim màu</p> <p>→ Sản xuất phân lân.</p>	<p>Phần lớn là các mỏ khoáng sản nhỏ, phân bố ở những nơi địa hình hiểm trở, xa đường giao thông khi khai thác đòi hỏi công nghệ hiện đại, chi phí sản xuất cao.</p>
<b>2. CN thủy điện</b>	<p><b>Hệ thống sông Hồng chiếm 1/3 trữ năng thủy điện của cả nước</b> trong đó S. Đà: chiếm 6 triệu KW.</p>	<p>Phát triển các NM thủy điện:</p> <p>+ Thác Bà/ S. Chảy</p> <p>+ Hoà Bình/ S. Đà</p> <p>+ Sơn La/ S. Đà</p> <p>+ Tuyên Quang / S. Gâm</p>	<p>Việc quy hoạch để xây dựng công trình thủy điện gây xáo trộn môi trường.</p>
<b>3. Trồng trọt</b>	<p><b>- Đất đa dạng:</b></p> <p>+ Feralit có diện tích lớn nhất</p> <p>+ Đất phù sa cổ: ở trung du</p> <p>+ Đất phù sa sông: dọc thung lũng sông và các cánh đồng ở miền núi: Than Uyên, Nghĩa Lộ, Điện Biên.</p> <p><b>- Khí hậu đa dạng:</b> Nhiệt đới gió mùa ẩm trong đó: Đông Bắc có một mùa đông lạnh nhất cả nước, Tây Bắc : lạnh, khô</p>	<p><b>- Phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới:</b> Chè ở Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Cạn...</p> <p><b>- Cây thuốc quý:</b> như tam thất, đỗ trọng... ở giáp biên giới của Cao Bằng, Lạng Sơn, vùng núi HLS.</p> <p><b>- Cây ăn quả</b> (đào, mận, lê) ở Tuyên Quang, Lào Cai, Sơn La...</p> <p><b>- Rau ôn đới:</b> Sa Pa.</p> <p>- Khả năng mở rộng diện tích và nâng cao năng suất trồng trọt trong vùng còn rất lớn → Phát triển nền nông nghiệp hàng hoá.</p>	<p>- Rét đậm, rét hại, sương muối, thiếu nước về mùa đông.</p> <p>- Cơ sở chế biến còn chưa tương xứng với thể mạnh của vùng.</p> <p>- Còn tồn tại nạn du canh, du cư.</p>
<b>4. Chăn nuôi gia súc</b>	<p><b>- Nhiều đồng cỏ</b></p> <p><b>- Nguồn thức ăn từ trồng trọt</b> như ngô, khoai, sắn ...</p>	<p>- Trâu: &gt; 50% đàn trâu cả nước, phân bố ở Điện Biên, Lai Châu, Phú Thọ...</p> <p>- Bò: 16% đàn bò cả nước, phân bố ở Phú Thọ, Cao Bằng, Hoà Bình...</p> <p>- Lợn: 1/4 cả nước (Thái Nguyên, Phú Thọ, ...)</p>	<p>- Vận chuyển nông sản đến thị trường tiêu thụ.</p> <p>- Chất lượng đồng cỏ chưa cao.</p>
<b>5. Kinh tế biển (Quảng Ninh)</b>	<p><b>- Thủy sản:</b> Ngư trường trọng điểm Hải Phòng – Quảng Ninh với nguồn lợi hải sản phong phú; nhiều bãi triều, vũng vịnh thuận lợi cho nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản.</p> <p><b>- Du lịch biển:</b> quần thể vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới.</p> <p><b>- Giao thông vận tải biển:</b> nhiều vịnh nước sâu trong đó cảng Cái Lân đang được xây dựng và nâng cấp.</p> <p><b>- Khoáng sản biển:</b> Cát trắng làm thủy tinh ở Vân Hải, hiện đang được khai thác.</p>		

**Bài 33. VẤN ĐỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**  
(SGK trang 150)

1. Gồm 10 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Bắc Ninh.

**2. Thế mạnh và hạn chế chủ yếu về tự nhiên, kinh tế, xã hội đối với phát triển kinh tế của ĐBSH**

Điều kiện	Thế mạnh	Hạn chế
<b>a. Vị trí</b>	- Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm. - Liên kề với TDMNBB: Vùng giàu tiềm năng khoáng sản và thủy điện nhất cả nước. - Cầu nối giữa Đông Bắc, Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và biển Đông. - Việc giao lưu với các vùng khác trong nước và quốc tế thuận lợi.	
<b>b. Tự nhiên</b>		
- Đất	Đất nông nghiệp chiếm 51,2% S đồng bằng trong đó 70% đất nông nghiệp có độ phì cao và trung bình → Thuận lợi phát triển nông nghiệp.	Đang bị suy giảm về số lượng và chất lượng.
- Nước	Phong phú: + Hệ thống sông ngòi dày đặc: S. Hồng, S. Thái Bình. + Nước ngầm dồi dào, nước khoáng.	
- Bờ biển: 400 km	Phát triển giao thông đường biển, du lịch biển (Hải Phòng...), nuôi trồng thủy sản, có điều kiện sản xuất muối.	
- Khí hậu	Nhiệt, ẩm dồi dào → Thuận lợi cho nền nông nghiệp nhiệt đới, đặc biệt là lúa nước phát triển.	Thiên tai: Bão, lụt, hạn hán.
- Khoáng sản	Có đá vôi, đất sét, cao lanh, than nâu, khí đốt ( <i>At lát</i> )	Thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp.
<b>c. Xã hội</b>	- Nguồn lao động dồi dào, giàu kinh nghiệm đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp, có trình độ cao. - Thị trường tiêu thụ rộng lớn. - Mạng lưới đô thị tương đối phát triển và dày đặc.	- Số dân đông nhất cả nước, mật độ dân số cao. - Thiếu việc làm. - Tệ nạn xã hội.
<b>d. Kinh tế</b>	- Cơ sở hạ tầng vào loại tốt nhất cả nước. - Cơ sở vật chất kinh tế ngày càng phát triển hoàn thiện. - Là nơi tập trung nhiều di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống. - Có 2 trung tâm kinh tế vào loại lớn nhất : Hà Nội, Hải Phòng.	Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn hạn chế, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.

**3. Định hướng chính trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành của ĐBSH**

- Giảm tỉ trọng KV I, trong đó:

+ Giảm tỉ trọng ngành **trồng trọt** trong đó: Giảm tỉ trọng của cây lương thực, tăng tỉ trọng của cây công nghiệp, cây thực phẩm, cây ăn quả.

+ Tăng tỉ trọng ngành **chăn nuôi, thủy sản**.

- Tăng tỉ trọng KVII trong đó: Hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm (chế biến lương thực, thực phẩm, dệt may, giày da, vật liệu xây dựng, cơ khí – kỹ thuật điện - điện tử)

- Tăng tỉ trọng KV III trong đó: Tăng tỉ trọng của các ngành tài chính, ngân hàng, giáo dục đào tạo, **đặc biệt là du lịch...**

- Trọng tâm là phát triển và hiện đại hóa công nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp khác và dịch vụ gắn với yêu cầu phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.

- Đảm bảo tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh, hiệu quả cao gắn với giải quyết các vấn đề về môi trường và xã hội.

**Bài 30. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ THÔNG TIN LIÊN LẠC (SGK trang 131)**

<b>GTVT</b>	<b>Thực trạng cơ sở vật chất</b>	<b>Tuyến giao thông chính</b>
<b>1. Đường bộ</b>	- Mạng lưới đường bộ đã được mở rộng và hiện đại hoá. - Về cơ bản mạng lưới đường bộ đã được phủ kín các vùng.	Quốc lộ 1, 1A, Đường Hồ Chí Minh, 51, 7,8,9...
<b>2. Đường sắt</b>	- Tổng chiều dài đường sắt: 3143 km - Tuyến đường thuộc mạng lưới đường sắt xuyên Á trên lãnh thổ VN đang được xây dựng nâng cấp để đạt tiêu chuẩn đường sắt ASEAN.	Đường sắt Thống Nhất. Hà Nội - Hải Phòng; Hà Nội - Lào Cai; Hà Nội - Thái Nguyên; Hà Nội - Đồng Đăng.
<b>3. Đường sông</b>	Nước ta có nhiều sông song chỉ có 11000km sử dụng vào mục đích giao thông.	S. Hồng - Thái Bình; S. Mê Công - Đồng Nai 1 số sông lớn ở miền Trung.
<b>4. Đường biển</b>	- Cảng biển tập trung chủ yếu ở Trung Bộ và ĐNB.	- Các cảng biển: + Cái Lân (Quảng Ninh) + Hải Phòng + Cửa Lò (Nghệ An) + Chân Mây (Huế)... - Các tuyến vận tải biển ven bờ: + Đà Nẵng - Quy Nhơn; Hải Phòng - Đà Nẵng + Hải Phòng - TP.HCM
<b>5. Đường hàng không</b>	Là ngành non trẻ nhưng có bước tiến rất nhanh nhờ chiến lược phát triển táo bạo và nhanh chóng hiện đại hoá cơ sở vật chất. - Có 22 sân bay trong đó có 11 sân bay quốc tế.	- Sân bay quốc tế: Nội Bài, Hải Phòng, Đà Nẵng, HCM, Huế... - Các tuyến đường bay quốc tế: Hà Nội, Đà Nẵng, HCM đi nhiều nơi và đến nhiều nước/ TG: Hà Nội - Hồng Kông; Hà Nội - Bắc Kinh.
<b>6. Đường ống</b>	Phát triển gắn liền với sự phát triển của ngành công nghiệp dầu khí.	- Dẫn dầu: Vận chuyển xăng dầu từ Bãi Cháy - Hạ Long – ĐBSH. - Dẫn khí: Ngoài thêm lục địa vào đất liền.

**II. Thông tin liên lạc:** Gồm 2 hoạt động chính (bưu chính và viễn thông).

**1. Bưu chính:**

- Đặc điểm: tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp.
- Hạn chế: Phân bố chưa hợp lý, công nghệ còn lạc hậu, trình độ thủ công, thiếu lao động trình độ cao.
- Định hướng phát triển: cơ giới hoá, tự động hoá, tin học hoá, đẩy mạnh kinh doanh.

**2. Viễn thông:**

**\* Sự phát triển:**

- **Trước Đổi mới:** thiết bị lạc hậu, dịch vụ nghèo nàn.
- **Những năm gần đây:** phát triển nhanh vượt bậc, đón đầu công nghệ hiện đại.
- **Mạng lưới viễn thông:** Đa dạng, không ngừng phát triển (mạng điện thoại, phi thoại, mạng truyền dẫn)

## BÀI 31. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI (SGK trang 137)

### 1. Vai trò của ngành thương mại

- Là cầu nối giữa sản xuất với sản xuất, giữa sản xuất với tiêu dùng.
- Điều tiết sản xuất, hướng dẫn tiêu dùng, tạo ra các tập quán tiêu dùng mới.
- Thúc đẩy quá trình phân công lao động theo lãnh thổ.
- Thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa thông qua hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, từ đó nâng cao hiệu quả nền kinh tế và tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi.

### 2. Tình hình phát triển và phân bố - *Atlas trang 24*

Thương mại	Tình hình phát triển	Phân bố chủ yếu
<b>a. Nội thương</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cả nước đã hình thành thị trường thống nhất, hàng hóa đa dạng đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước.</li> <li>- Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước phân theo thành phần kinh tế tăng, tuy nhiên có sự chuyển dịch cơ cấu giữa các thành phần kinh tế:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ KV Nhà nước giảm.</li> <li>+ KV ngoài Nhà nước và KV có vốn đầu tư nước ngoài tăng. (<i>Dẫn chứng: Atlas trang 24</i>)</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ĐNB</li> <li>- ĐBSH</li> <li>- ĐBSCL</li> <li>- Trung tâm buôn bán lớn: HN, HCM</li> </ul>
<b>b. Ngoại thương</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Cán cân xuất nhập khẩu:</b> Đang chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu,</li> <li>- <b>Kim ngạch xuất nhập khẩu liên tục tăng</b> (do sản xuất phát triển; mức sống tăng; thị trường mở rộng...) <b>trong đó:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Giá trị xuất khẩu</b> không ngừng tăng, chủ yếu là các mặt hàng: Khoáng sản; nông sản, thủy sản; hàng công nghiệp nhẹ, thủ công nghiệp (<i>Atlas</i>)</li> <li>* <b>Giá trị nhập khẩu</b> không ngừng tăng, chủ yếu là các mặt hàng: Máy móc, thiết bị; nguyên, nhiên liệu; hàng tiêu dùng (<i>Atlas</i>)</li> </ul> </li> <li>- <b>Thị trường</b> mở rộng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.</li> <li>- <b>Cơ chế quản lý</b> nhiều đổi mới.</li> <li>- VN trở thành thành viên WTO.</li> <li>- <b>Một số tồn tại:</b> tỉ lệ xuất hàng gia công còn lớn; thị trường xuất - nhập khẩu nhiều biến động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bạn hàng xuất khẩu: Mỹ; Nhật; Trung Quốc</li> <li>Bạn hàng nhập khẩu: Châu Á - TBD; Châu Âu.</li> </ul>

## VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

**1. Tài nguyên du lịch:** Là các cảnh quan thiên nhiên, di tích văn hoá, lịch sử, giá trị nhân văn, công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng nhằm thoả mãn nhu cầu du lịch; là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch khu du lịch nhằm tạo ra sự hấp dẫn du lịch.

**- Tài nguyên du lịch tự nhiên:**

+ **Địa hình:** Đa dạng bao gồm cả đồng bằng, đồi núi, hải đảo tạo nên nhiều cảnh quan đẹp.

\* Cả nước có > 200 hang động caxto tiêu biểu là vịnh Hạ Long, động Phong Nha - Kẻ Bàng.

\* Nước ta có 125 bãi biển lớn nhỏ, tiêu biểu ở duyên hải NTB.

+ **Khí hậu:** Nhiệt đới ẩm gió mùa, khá thuận lợi cho các hoạt động du lịch, nhất là mùa hạ.

+ **Sông nước:** Tạo thế mạnh để phát triển du lịch, tiêu biểu là:

\* Các hệ thống sông hồ tự nhiên: Hồ Ba Bể..., hồ nhân tạo: Hồ Hoà Bình...

\* Có vài trăm nguồn suối nước khoáng thiên nhiên : Kim Bôi, ...

+ **Sinh vật :** Phong phú: > 30 vườn quốc gia với hàng trăm loài động vật, thực vật: vườn quốc gia Ba Vì.....

**- Tài nguyên du lịch nhân văn:** Cả nước có 4 vạn di tích văn hoá lịch sử ( có 2,6 nghìn di tích được xếp hạng.)

+ **Các di sản văn hoá tiêu biểu:**

\* **Di sản văn hoá phi vật thể:** Nhã nhạc cung đình Huế, công chiêng Tây Nguyên, quan họ Bắc Ninh, Ca trù, hội Gióng Phù Đổng- đền Sóc Hà Nội, hát Xoan, đờn ca tài tử Nam Bộ, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương.

\* **Di sản văn hoá vật thể:** Vịnh Hạ Long, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng, Cố đô Huế, Hoàng thành Thăng Long, Thành nhà Hồ.

+ **Các lễ hội:** Diễn ra khắp nơi và suốt cả năm trong đó tập trung nhiều nhất là tết cổ truyền, hội đền Hùng...

+ **Các làng nghề:** bản sắc riêng của các dân tộc.

+ **Các loại hình văn hóa dân, gian ẩm thực.**

**2. Tình hình phát triển:**

- Phát triển mạnh trong những năm gần đây (chính sách hợp lý, nhu cầu tăng,...)

- Số lượt khách du lịch và doanh thu ngày càng tăng nhanh.

**3. Sự phân hoá theo lãnh thổ: phụ thuộc nhiều vào phân bố tài nguyên di lịch.**

- Cả nước hình thành 3 vùng du lịch: Bắc Bộ; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Nam Bộ

- **Các trung tâm du lịch quốc gia:** Hà Nội, TPHCM, Huế, Đà Nẵng,...

## Bài 35.VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI Ở BẮC TRUNG BỘ (SGK trang 155)

**1. Gồm 6 tỉnh, thành phố:** Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

**2. Hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp**

**a.Thế mạnh phát triển nông nghiệp**

- Vùng đồi, trung du có:

+ Đất feralit,Z đất ba dan thuận lợi cho việc trồng cây công nghiệp: cà phê, hồ tiêu, cao su, chè.

+ Nhiều đồng cỏ thuận lợi cho việc chăn nuôi trâu, bò. Đàn bò chiếm 20% cả nước, đàn trâu chiếm 25% cả nước.

- Đồng bằng ven biển có: đất cát pha thuận lợi cho việc trồng cây công nghiệp hàng năm như lạc, mía, thuốc lá... Khu vực này cũng là nơi sản xuất lương thực chủ lực của vùng, là những vùng thâm canh lúa.

**b. Thế mạnh về lâm nghiệp**

- Chiếm 20% S rừng cả nước, trong đó: rừng phòng hộ chiếm 50%S, rừng đặc dụng 16%, rừng sản xuất 34%.

- Độ che phủ rừng đứng thứ 2 sau Tây Nguyên.

- Trong rừng có nhiều loại gỗ quý như: lim, sến, táu và hiện nay rừng giàu tập trung ở biên giới Việt – Lào.

- Hầu hết các tỉnh trong vùng đều có rừng Quốc gia và các lâm trường đang hoạt động.

- Bảo vệ và phát triển rừng có ý nghĩa: bảo vệ môi trường sinh thái, điều hòa nguồn nước, hạn chế tác hại của lũ quét.Trồng rừng ven biển để chắn gió bão, cát bay, cát chày lấn chiếm ruộng vườn làng mạc.

### **c. Thế mạnh phát triển ngư nghiệp**

- Tất cả các tỉnh trong vùng đều giáp biển Đông
- Biển có nhiều bãi cá, bãi tôm (không lớn), do tàu thuyền công suất nhỏ nên đánh bắt ven bờ là chính.
- Nuôi thủy sản nước lợ, nước mặn phát triển khá mạnh: làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển.
- Nghệ An là tỉnh có nghề cá phát triển nhất.

### **3\* Phát triển cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp góp phần phát triển bền vững ở Bắc Trung Bộ**

- Đề phát huy thế mạnh của vùng: có khá nhiều tài nguyên (lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy sản) nhưng cơ bản vẫn ở dạng tiềm năng.

- Góp phần tạo nguồn nguyên liệu dồi dào để phát triển CN chế biến nông lâm thủy sản, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của vùng.

- Góp phần hình thành cơ cấu kinh tế chung của vùng, tạo thế liên hoàn trong phát triển kinh tế theo không gian và giữ cân bằng sinh thái.

- Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động nhất là cho đồng bào dân tộc thiểu số ở phía Tây với chất lượng cuộc sống còn gặp nhiều khó khăn.

## **4. Phát triển công nghiệp**

### **a. Thế mạnh:**

- Nguyên liệu dồi dào từ trồng trọt (lạc, mía, đậu tương, chè, cà phê,...), chăn nuôi (bò, trâu,...) lâm nghiệp, thủy sản. Khoáng sản giàu có và đa dạng: sắt ở Thạch Khê (Hà Tĩnh), thiếc ở Quỳnh Hợp (Nghệ An)... Cỏ Đĩnh (Thanh Hoá)

- Nguồn lao động dồi dào, giá nhân công rẻ.

- Có thế mạnh để phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế mở nhờ có nhiều cảng biển ở phía Đông...

### **b. Hiện trạng:**

- Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng so với cả nước còn nhỏ.

- Chỉ có một số khu công nghiệp nhỏ và trung bình nằm rải rác ven biển như Thanh Hoá, Vinh, Huế.

- Cơ cấu ngành công nghiệp còn đơn giản, thiếu các ngành công nghiệp hiện đại, chỉ có 1 số nhà máy xi măng: Bỉm Sơn, Nghi Sơn - Thanh Hoá; Hoàng Mai - Nghệ An.

- Một số khoáng sản tiềm năng còn chưa được khai thác.

- Phía Tây ngành công nghiệp chưa phát triển, mới tập trung nằm ở phía Đông.

### **c. Giải pháp:**

- Xây dựng các cơ sở năng lượng:

+ Nhà máy thủy điện Bản Vẽ/ S. Cà ở Nghệ An, công suất 320 nghìn KW

+ Nhà máy thủy điện Cửa Đạt/ S. Chu ở Thanh Hoá, công suất 97 nghìn KW

+ Nhà máy thủy điện Rào Quán/ S. Rào Quán ở Quảng Trị, công suất 64 nghìn KW.

- Phát triển, hiện đại hoá các trung tâm công nghiệp của vùng như Bỉm Sơn, Thanh Hoá, Vinh, Huế.

- Chú trọng đẩy mạnh phát triển trung tâm công nghiệp Huế - lợi thế của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

### **5\* Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải sẽ tạo ra bước ngoặt quan trọng trong quá trình hình thành cơ cấu kinh tế của vùng**

- Xây dựng và hoàn thiện các cảng nước sâu: Nghi Sơn, Vũng Áng, Chân Mây tạo điều kiện đẩy mạnh giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư, hình thành khu kinh tế cảng biển.

- Nâng cấp quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam, đặc biệt là hầm đường bộ Hải Vân: nâng cao vị trí cầu nối giữa các tỉnh phía Bắc với các tỉnh phía Nam.

- Phát triển đường HCM: cho phép khai thác hiệu quả hơn tiềm năng của miền núi phía Tây → hoàn thiện cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của vùng.

- Phát triển giao thông Đông - Tây, với các tuyến đường ngang 7, 8, 9 sẽ tạo điều kiện cho hàng loạt các cửa khẩu được mở ra để giao thương với các nước Lào, Đông Bắc Thái Lan. Trong đó cửa khẩu quốc tế Lao Bảo quan trọng nhất - gắn liền với khu thương mại Lao Bảo.

- Nâng cấp các sân bay Phú Bài (Huế), Vinh (Nghệ An), Đồng Hới (Quảng Bình): thúc đẩy mối liên hệ với các vùng và giao lưu quốc tế, thu hút khách du lịch quốc tế.

# KĨ NĂNG ĐỌC ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

## TRANG 23 - GIAO THÔNG

- Câu 1:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với cửa khẩu nào sau đây?  
A. Cha Lo.                      B. Cầu Treo.                      C. Lao Bảo.                      D. Nậm Cắn.
- Câu 2:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ nào sau đây nối Kon Tum với Quốc lộ 1?  
A. Quốc lộ 26.                      B. Quốc lộ 25.                      C. Quốc lộ 19.                      D. Quốc lộ 24.
- Câu 3:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ số 8 đi qua cửa khẩu nào sau đây?  
A. Cầu Treo.                      B. Cha Lo.                      C. Tây Trang.                      D. Nậm Cắn.
- Câu 4:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 3 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?  
A. Lạng Sơn.                      B. Hà Giang.                      C. Lào Cai.                      D. Bắc Kạn.
- Câu 5:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 26 nối Buôn Ma Thuật với địa điểm nào sau đây?  
A. Vũng Tàu.                      B. Nha Trang.                      C. Phan Thiết.                      D. Cam Ranh.
- Câu 6:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng sông nào sau đây **không** ở sông Hồng?  
A. Bắc Giang.                      B. Việt Trì.                      C. Sơn Tây.                      D. Nam Định.
- Câu 7:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với cửa khẩu nào sau đây?  
A. Nậm Cắn.                      B. Cầu Treo.                      C. Cha Lo.                      D. Na Mèo.
- Câu 8:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 2 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây?  
A. Cao Bằng.                      B. Hà Giang.                      C. Lạng Sơn.                      D. Hạ Long.
- Câu 9:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết các cảng sông nào sau đây được xây dựng ở sông Tiền?  
A. Sài Gòn, Mỹ Tho.                      B. Trà Vinh, Cần Thơ.                      C. Cần Thơ, Sài Gòn.                      D. Mỹ Tho, Trà Vinh.
- Câu 10:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng biển nào sau đây thuộc tỉnh Nghệ An?  
A. Vũng Áng.                      B. Thuận An.                      C. Nhật Lệ.                      D. Cửa Lò.
- Câu 11:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ 19 nối Tây Nguyên với cảng biển nào sau đây?  
A. Đà Nẵng.                      B. Dung Quất.                      C. Quy Nhơn.                      D. Nha Trang.
- Câu 12:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?  
A. Quảng Ngãi.                      B. Nghệ An.                      C. Thanh Hóa.                      D. Hà Tĩnh.
- Câu 13:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng biển nào sau đây **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ?  
A. Thuận An.                      B. Vũng Áng.                      C. Chân Mây.                      D. Dung Quất.
- Câu 14:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết sân bay nào sau đây là sân bay quốc tế?  
A. Rạch Giá.                      B. Liên Khương.                      C. Cát Bi.                      D. Nà Sản.
- Câu 15:** Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 23, cho biết tuyến vận tải đường biển nội địa nào sau đây dài nhất nước ta?  
A. Hải Phòng - Đà Nẵng.                      B. Đà Nẵng - Quy Nhơn.  
C. TP. Hồ Chí Minh - Hải Phòng.                      D. Vinh - Đà Nẵng.

## TRANG 24 - THƯƠNG MẠI

- Câu 1:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh nào sau đây có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tính theo đầu người cao nhất?  
A. Bình Dương.                      B. Cà Mau.                      C. Khánh Hòa.                      D. Bắc Ninh.
- Câu 2:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta là các quốc gia nào sau đây?  
A. Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan                      B. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc.  
C. Nga, Nhật Bản, Thái Lan.                      D. Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ
- Câu 3:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh/thành phố nào sau đây xuất siêu?  
A. Lào Cai.                      B. Quảng Ninh.                      C. Hà Nội.                      D. Hải Phòng.
- Câu 4:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh/thành phố nào sau đây nhập siêu?  
A. Lào Cai.                      B. Quảng Ninh.                      C. Thanh Hóa.                      D. Nghệ An.

**Câu 5:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết thị trường nhập khẩu lớn nhất của nước ta hiện nay là các quốc gia nào sau đây?

- A. Hoa Kỳ, Ôxtrâyliya, Hàn Quốc, Ấn Độ.                      B. Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Xingapo.  
C. Trung Quốc, Đài Loan, Ấn Độ, Thái Lan.                      D. Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ, Hoa Kỳ.

**Câu 6:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh/ thành phố nào sau đây xuất siêu?

- A. Bắc Ninh.                      B. Hà Nam.                      C. Hưng Yên.                      D. Hải Dương.

**Câu 7:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh/ thành phố nào sau đây của xuất siêu?

- A. Bắc Giang.                      B. Lạng Sơn.                      C. Phú Thọ.                      D. Thái Nguyên.

**Câu 8:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết nước ta xuất khẩu sang thị trường nào sau đây có giá trị trên 6 tỉ đô la Mỹ?

- A. Xin-ga-po.                      B. Liên Bang Nga.                      C. Nhật Bản.                      D. Đài Loan.

**Câu 9:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh/thành phố nào sau đây có giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa lớn nhất?

- A. Hà Nội.                      B. Đồng Nai.                      C. Bình Dương.                      D. TP. Hồ chí Minh.

**Câu 10:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh/thành phố nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ có tổng giá trị xuất nhập khẩu lớn nhất?

- A. Bà Rịa - Vũng Tàu.                      B. Khánh Hòa.                      C. Bình Định.                      D. Đà Nẵng.

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh/thành phố nào sau đây có cán cân xuất nhập khẩu dương?

- A. Hà Nội.                      B. Đà Nẵng.                      C. Đồng Nai.                      D. TP. Hồ Chí Minh.

**Câu 12:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết nước ta xuất siêu sang thị trường nào sau đây?

- A. Hoa Kỳ.                      B. Trung Quốc.                      C. Singapo.                      D. Hàn Quốc.

### TRANG 25 – DU LỊCH

**Câu 1:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào sau đây thuộc tỉnh Nghệ An?

- A. Pù Mát.                      B. Vũ Quang.                      C. Bạch Mã.                      D. Yok Đôn.

**Câu 2:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết di sản nào sau đây **không** phải là di sản văn hóa thế giới?

- A. Cố đô Huế.                      B. Phố cổ Hội An.                      C. Phong Nha - Kẻ Bàng.                      D. Di tích Mỹ Sơn.

**Câu 3:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào sau đây thuộc tỉnh Ninh Bình?

- A. Ba Bể.                      B. Cúc Phương.                      C. Bái Tử Long.                      D. Cát Tiên.

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết đâu **không** phải là di sản văn hóa thế giới?

- A. Vịnh Hạ Long.                      B. Cố đô Huế.                      C. Phố Cổ Hội An.                      D. Di tích Mỹ Sơn.

**Câu 5:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, điểm du lịch nào sau đây **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Đồ Sơn.                      B. Đá Nhảy.                      C. Sầm Sơn.                      D. Thiên Cầm.

**Câu 6:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết bãi biển nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Mỹ Khê.                      B. Sa Huỳnh.                      C. Cà Ná.                      D. Lăng Cô.

**Câu 7:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, vườn quốc gia Tràm Chim thuộc tỉnh

- A. Đồng Tháp.                      B. Cần Thơ.                      C. An Giang.                      D. Cà Mau

**Câu 8:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia trên đảo nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Cà Mau.                      B. Côn Đảo.                      C. Phú Quốc.                      D. Tràm Chim.

**Câu 9:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, bãi biển Thiên Cầm thuộc tỉnh

- A. Thanh Hóa.                      B. Hà Tĩnh.                      C. Nghệ An.                      D. Quảng Ngãi.

**Câu 10:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, bãi biển Sa Huỳnh thuộc tỉnh

- A. Thanh Hóa.                      B. Hà Tĩnh.                      C. Nghệ An.                      D. Quảng Ngãi.

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

- A. Hà Nội.                      B. Đà Lạt.                      C. Hải Phòng.                      D. Cần Thơ.



- Câu 12:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?  
**A.** Cần Thơ.                      **B.** Lạng Sơn.                      **C.** Hà Nội.                      **D.** Đà Nẵng.
- Câu 13:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?  
**A.** Đà Lạt.                      **B.** Cần Thơ.                      **C.** Hà Nội.                      **D.** Nha Trang.
- Câu 14:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?  
**A.** Vũng Tàu.                      **B.** Lạng Sơn.                      **C.** Hà Nội.                      **D.** Đà Lạt.
- Câu 15:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, trung tâm du lịch nào sau đây thuộc cấp vùng?  
**A.** Cần Thơ.                      **B.** Hà Nội.                      **C.** Đà Nẵng.                      **D.** TP. Hồ Chí Minh.

### **TRANG 26 - VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG.**

- Câu 1:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khoáng sản nào sau đây được khai thác ở Sinh Quyền?  
**A.** Graphit.                      **B.** Đồng.                      **C.** Apatit.                      **D.** Than đá.
- Câu 2:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?  
**A.** Hải Phòng, Hạ Long, Cẩm Phả.                      **B.** Thái Nguyên, Hạ Long, Cẩm Phả.  
**C.** Hải Phòng, Hạ Long, Thái Nguyên.                      **D.** Hải Phòng, Cẩm Phả, Việt Trì.
- Câu 3:** Căn cứ vào Atlas địa lí trang 26, cho biết nhà máy nhiệt điện Phả Lại thuộc tỉnh nào sau đây?  
**A.** Quảng Ninh.                      **B.** Hải Dương.                      **C.** Hưng Yên.                      **D.** Bắc Ninh.
- Câu 4:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Biển Đông?  
**A.** Quảng Ninh.                      **B.** Bắc Giang.                      **C.** Lạng Sơn.                      **D.** Thái Nguyên.
- Câu 5:** Căn cứ vào Atlas Địa lí trang 26, cho biết ngành dệt may **không** phải là ngành chuyên môn hóa của trung tâm công nghiệp nào sau đây?  
**A.** Nam Định.                      **B.** Hải Dương.                      **C.** Phúc Yên.                      **D.** Hà Nội.
- Câu 6:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du miền núi Bắc Bộ?  
**A.** Vũng Áng.                      **B.** Đình Vũ - Cát Hải.                      **C.** Vân Đồn.                      **D.** Nghi Sơn.
- Câu 7:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây **không** có cảng biển?  
**A.** Nam Định.                      **B.** Cẩm Phả.                      **C.** Hạ Long.                      **D.** Hải Phòng.
- Câu 8:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?  
**A.** Phúc Yên.                      **B.** Hạ Long.                      **C.** Bắc Ninh.                      **D.** Hải Dương.
- Câu 9:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây **không** thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?  
**A.** Cẩm Phả.                      **B.** Hạ Long.                      **C.** Việt Trì.                      **D.** Bắc Ninh.
- Câu 10:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc đồng bằng sông Hồng?  
**A.** Hạ Long.                      **B.** Việt Trì.                      **C.** Bắc Ninh.                      **D.** Cẩm Phả.
- Câu 11:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết tỉnh nào sau đây ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm ở ngã ba biên giới Việt Nam - Trung Quốc - Lào?  
**A.** Lai Châu.                      **B.** Điện Biên.                      **C.** Hoà Bình.                      **D.** Sơn La.
- Câu 12:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết bôxít có ở tỉnh nào sau đây?  
**A.** Cao Bằng.                      **B.** Hà Giang.                      **C.** Lào Cai.                      **D.** Lai Châu.
- Câu 13:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết apatit có tỉnh nào sau đây?  
**A.** Thái Nguyên.                      **B.** Tuyên Quang.                      **C.** Bắc Kạn.                      **D.** Lào Cai.
- Câu 14:** Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 26, cho biết vàng có ở tỉnh nào sau đây?  
**A.** Thái Nguyên.                      **B.** Tuyên Quang.                      **C.** Bắc Kạn.                      **D.** Lạng Sơn.
- Câu 15:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết than nâu có ở tỉnh nào sau đây?  
**A.** Hà Giang.                      **B.** Cao Bằng.                      **C.** Lai Châu.                      **D.** Lạng Sơn.

## TRANG 27- VÙNG BẮC TRUNG BỘ

- Câu 1:** Căn cứ vào Atlas Địa lí trang 27, cho biết cảng biển nào sau đây **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ?  
A. Nhật Lệ.                      B. Cam Ranh.                      C. Vũng Áng.                      D. Cửa Lò.
- Câu 2:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh  
A. Thanh Hoá.                      B. Hà Tĩnh.                      C. Nghệ An.                      D. Quảng Bình.
- Câu 3:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?  
A. Nghệ An.                      B. Hà Tĩnh.                      C. Quảng Trị.                      D. Quảng Bình.
- Câu 4:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam và trang 27, khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo thuộc tỉnh  
A. Nghệ An.                      B. Hà Tĩnh.                      C. Quảng Bình.                      D. Quảng Trị.
- Câu 5:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cảng Thuận An thuộc tỉnh  
A. Hà Tĩnh.                      B. Thanh Hóa.                      C. Thừa Thiên - Huế.                      D. Phan Thiết.
- Câu 6:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cảng biển Cửa Lò thuộc tỉnh  
A. Quảng Bình.                      B. Quảng Trị.                      C. Nghệ An.                      D. Thanh Hóa.
- Câu 7:** Căn cứ vào Atlas địa lí trang 27, cho biết cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?  
A. Hữu Nghị.                      B. Cầu Treo.                      C. Xà Xía.                      D. Móng Cái.
- Câu 8:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc tỉnh Hà Tĩnh?  
A. Vũng Áng.                      B. Nghi Sơn.                      C. Hòn La.                      D. Chân Mây - Lăng Cô.
- Câu 9:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển Chân Mây - Lăng Cô thuộc tỉnh nào sau đây của Bắc Trung Bộ?  
A. Đà Nẵng.                      B. Thừa Thiên - Huế.                      C. Quảng Trị.                      D. Quảng Bình.
- Câu 10:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh  
A. Thừa Thiên Huế.                      B. Hà Tĩnh.                      C. Quảng Bình.                      D. Quảng Trị.
- Câu 11:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, khu kinh tế ven biển thuộc tỉnh Thừa Thiên – Huế là  
A. Vũng Áng.                      B. Chân Mây - Lăng Cô.                      C. Nghi Sơn.                      D. Hòn La.
- Câu 12:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cảng biển Cửa Gianh thuộc tỉnh  
A. Quảng Bình.                      B. Hà Tĩnh.                      C. Thanh Hóa.                      D. Nghệ An.
- Câu 13:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, khai thác crôm có ở tỉnh  
A. Quảng Bình.                      B. Hà Tĩnh.                      C. Nghệ An.                      D. Thanh Hóa.
- Câu 14:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc tỉnh Thừa Thiên – Huế?  
A. Na Mèo.                      B. Cha Lo.                      C. Nậm Cắn.                      D. A Đốt.
- Câu 15:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, khu kinh tế cửa khẩu Lao Bảo thuộc tỉnh  
A. Nghệ An.                      B. Hà Tĩnh.                      C. Quảng Bình.                      D. Quảng Trị.